

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HẬU GIANG**

Số: 1860 /TTr-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hậu Giang, ngày 27 tháng 8 năm 2020

TỜ TRÌNH

**Dự thảo Nghị quyết điều chỉnh, bổ sung
Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 (lần 5)**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Nghị quyết điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 (lần 5), như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công.

Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 vốn cân đối ngân sách địa phương được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 16/2017/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2017; Nghị quyết số 14/2018/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2018; Nghị quyết số 04/2019/NQ-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2019; Nghị quyết số 18/2019/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2019; Nghị quyết số 18/2019/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2019; Nghị quyết số 12/2020/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2020. Hiện nay, do một số dự án được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân năm 2019 sang năm 2020, dự án được bố trí kế hoạch vốn năm 2020 không còn nhu cầu thanh toán hoặc không có khả năng hoàn thành trong năm 2020 do vướng mặt bằng, cần thiết phải điều chỉnh sang những dự án có nhu cầu bổ sung kế hoạch vốn.

Theo quy định tại khoản 7 Điều 67 Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019, việc điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công phải được Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định. Do đó, việc đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Nghị quyết điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 (lần 5) là cần thiết và phù hợp theo quy định, nhằm góp phần thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2016 - 2020.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG VĂN BẢN

1. Mục đích

a) Đảm bảo nguồn lực đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và thực hiện tái cơ cấu đầu tư công trên địa bàn tỉnh.

b) Tăng cường quản lý và sử dụng hiệu quả sử dụng các nguồn lực của nhà nước, khắc phục tình trạng đầu tư dàn trải; đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án sớm hoàn thành đưa vào sử dụng.

c) Bố trí vốn cho các dự án khởi công mới đã hoàn thiện đầy đủ hồ sơ thủ tục theo quy định, bổ sung các danh mục dự án vào kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020.

2. Quan điểm

Việc điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn được thực hiện theo các nguyên tắc, tiêu chí cụ thể như sau:

a) Nhằm thực hiện các mục tiêu, định hướng phát triển kinh tế - xã hội năm 2020 của tỉnh, của các ngành, lĩnh vực, địa phương, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội và các quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, bao gồm thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

b) Tuân thủ các quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước, Nghị quyết số 08/2016/NQ-HĐND ngày 05 tháng 7 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2017 - 2020 trên địa bàn tỉnh Hậu Giang và các văn bản pháp luật có liên quan.

c) Phù hợp với khả năng cân đối vốn đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước và thu hút các nguồn vốn đầu tư của các thành phần kinh tế khác, trong từng ngành, lĩnh vực và địa phương.

d) Bố trí vốn đầu tư tập trung, khắc phục tình trạng phân tán, dàn trải, bảo đảm hiệu quả sử dụng vốn đầu tư, bố trí vốn không vượt thời gian quy định (không quá 4 năm đối với dự án nhóm B và không quá 3 năm đối với dự án nhóm C). Chỉ bố trí vốn cho các dự án đã đủ thủ tục đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo đúng quy định của Luật Đầu tư công và các văn bản pháp luật có liên quan.

đ) Việc điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 2016 - 2020 phải đảm bảo phù hợp với quy định của Luật Đầu tư công. Trong đó:

- Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn của các dự án phải đảm bảo đạt mục tiêu, hiệu quả của dự án, hoàn thành đúng tiến độ đã được cấp thẩm quyền quyết định đầu tư. Số còn lại sau điều chỉnh giảm của từng dự án không thấp hơn số vốn kế hoạch đã giao qua các năm 2016 - 2019.

- Điều chỉnh tăng kế hoạch vốn cho các dự án: Ưu tiên điều chỉnh tăng cho các dự án có trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 nhưng không vượt tổng mức đầu tư của dự án; bổ sung các dự án chưa có trong danh mục vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 đã được Hội đồng nhân dân tỉnh giao phải đảm bảo: Ưu tiên thu hồi vốn ứng trước, các dự án có quyết định phê duyệt tất toán tài khoản; phần còn lại xem xét bố trí các dự án khởi công mới 2020. Tập trung đầu tư cho các công trình, dự án thật sự cần thiết, đáp ứng đủ điều kiện bố trí vốn theo quy định của Luật Đầu tư công.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO VĂN BẢN

Căn cứ đề nghị của các sở, ban ngành tỉnh và UBND huyện, thị xã, thành phố về rà soát điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020, Sở Kế hoạch và Đầu tư dự thảo nội dung Tờ trình của UBND tỉnh và Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh; tổ chức lấy kiến góp ý của các đơn vị có liên quan; Sở Tư pháp đã thẩm định, đảm bảo đúng theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN

1. Bố cục

Dự thảo Nghị quyết điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 (lần 5) gồm có 02 Điều.

2. Nội dung cơ bản

Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Nghị quyết điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 (lần 5), với các nội dung như sau:

Qua rà soát Kế hoạch vốn trung hạn 2016 - 2020 của tỉnh, Kế hoạch vốn của các đơn vị không còn nhu cầu sử dụng: 28.382 triệu đồng. Nguyên nhân do không sử dụng chi phí dự phòng của dự án và giảm khối lượng theo quyết toán dự án; do giảm giá trong đấu thầu của các dự án hoặc có một số hạng mục không triển khai thực hiện, tiết kiệm so với hạn mức bố trí trong kế hoạch vốn trung hạn.

Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị điều chỉnh, bổ sung cho các dự án trong Kế hoạch trung hạn còn thiếu vốn, các dự án để tất toán tài khoản, vốn đối ứng các dự án SCC, triển khai một số dự án bức xúc khởi công mới năm 2020, cụ thể như sau:

a) Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông và nông nghiệp tỉnh: điều chỉnh giảm 601 triệu đồng, bố trí cho 03 dự án để tất toán tài khoản.

b) Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh: Điều chỉnh giảm 19.304 triệu đồng. Bổ sung vốn cho 24 dự án tất toán tài khoản 2.206 triệu đồng; bố trí để thanh toán khối lượng hoàn thành dự án Trung tâm Bảo trợ xã hội, chăm sóc và phục hồi chức năng cho người tâm thần tỉnh Hậu Giang: 4.242 triệu đồng; bố trí 01 dự án khởi công mới 10.631 triệu đồng (Mở rộng diện tích xây dựng Khu di tích lịch sử “Địa điểm thành lập Ủy ban Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam tỉnh Cần Thơ” tại xã Thạnh Xuân, huyện Châu Thành A); bố trí thanh toán dự án Đường bê tông 2.5m Bờ tây kênh Năm Căn, ấp 3 xã lương Tâm (do UBND huyện Long Mỹ làm chủ đầu tư): 2.225 triệu đồng.

c) Công ty Phát triển hạ tầng Khu công nghiệp Hậu Giang: điều chỉnh giảm 6.106 triệu đồng, vốn bố trí cho dự án Xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng KCN Sông Hậu đợt 2 - GĐ1, huyện Châu Thành không còn nhu cầu thanh toán. Đề nghị điều chuyển sang dự án Xây dựng kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Tân Phú Thạnh - GĐ 1, huyện Châu Thành A để thanh toán khối lượng hoàn thành.

d) Sở Kế hoạch và Đầu tư: điều chỉnh giảm 285 triệu đồng, bố trí cho dự án Mở rộng diện tích xây dựng Khu di tích lịch sử “Địa điểm thành lập Ủy ban Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam tỉnh Cần Thơ” tại xã Thạnh Xuân, huyện Châu Thành A.

đ) UBND thị xã Long Mỹ: điều chỉnh giảm 360 triệu đồng, bố trí cho 02 dự án để tất toán tài khoản.

e) UBND huyện Châu Thành: điều chỉnh giảm 249 triệu đồng, bố trí cho 02 dự án để tất toán tài khoản.

g) UBND huyện Phụng Hiệp: điều chỉnh giảm 883 triệu đồng, bố trí cho 08 dự án để tất toán tài khoản.

h) UBND huyện Vị Thủy: điều chỉnh giảm 594 triệu đồng, bố trí cho 09 dự án để thanh toán khối lượng hoàn thành.

(Chi tiết theo Phụ lục đính kèm)

Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết nghị. *th*

Nơi nhận: *th*

- Như trên;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, NCTH. PT.

To trình thông qua điều chỉnh KII trong hạn lần 3

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
ĐẠI CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trương Cảnh Tuyên

Phụ lục
DANH MỤC DỰ ÁN ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2016 - 2020 (LẦN 5)
(Kèm theo Tờ trình số: 1860/TT-UBND ngày 27 tháng 8 năm 2020 của UBND tỉnh Hậu Giang)

DVT: Triệu đồng

TT		Danh mục dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016-2020 được duyệt								Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016-2020 điều chỉnh, bổ sung						Giảm	Tăng	Ghi chú
				Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Cân đối NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:									
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Cân đối NSDP				Cân đối NSDP	Thu vượt XS/KT	Thu vượt tiền sử đất	Thu hồi các khoản vốn ứng trước NS tỉnh		Thu vượt XS/KT	Thu vượt tiền sử đất	Thu hồi các khoản vốn ứng trước NS tỉnh							
		Tổng số			8.678.497	2.150.151	973.734	781.781	7.231	70	18.589	973.734	781.781	7.231	70	18.589	28.382	28.382	-					
A		Tỉnh quản lý			8.458.505	2.028.677	863.395	688.630	856	-	18.589	861.170	686.405	856	-	18.589	26.296	24.071	-					
I		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông và nông nghiệp tỉnh			5.909.486	184.070	138.653	116.062	856	-	-	138.653	116.062	856	-	-	601	601	601					
(1)		Dự án tất toán tài khoản			5.909.486	184.070	138.653	116.062	856	-	-	138.653	116.062	856	-	-	601	601	-					
1		Đường nối thị xã Vị Thanh tỉnh Hậu Giang với thành phố Cần Thơ	2007- 2018	714/QĐ-UBND 25/4/2007; 1258/QĐ-UBND 7/6/2016; 65/QĐ- UBND 12/01/2018		5.373.830	60.000	81.735	60.000			81.927	60.192					192	-					
2		Đường Tây Sông Hậu	2005- 2018	594/QĐ-UBND 23/3/05; 280/QĐ- UBND 01/3/2018		206.767		856		856		952	96	856				96						
3		Cầu Tân Hiệp	2017- 2019	1962/QĐ-UBND 31/10/2016; 324/QĐ-UBND 02/3/2017; 194/QĐ-UBND 28/01/2019		31.000	31.000	28.200	28.200			28.513	28.513					313						
4		Hệ thống công ngăn mặn Nam Kênh Xà No	2011- 2017	1786/QĐ-UBND 05/10/2011; 197/QĐ-UBND 6/12/2018		297.889	93.070	27.862	27.862			27.261	27.261				601							
II		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh		-		1.385.953	811.541	504.252	504.252	-	-	502.312	502.312	-	-	-	19.304	17.364						
(1)		Dự án tất toán tài khoản			364.230	222.414	89.400	89.400	-	-	-	91.606	91.606	-	-	-	-	2.206	-					
1		Trường THPT Cây Dương (phần hệ thống Bùn Tàu)	2015	1443/QĐ-UBND, 21/10/2014		6.827	6.827					80	80					80						
2		Trụ sở Sở Văn hóa Thể thao Du lịch tỉnh Hậu Giang	2008- 2009	1555/QĐ-UBND, 05/9/2007		13.144	13.144					287	287					287						

ĐV L: triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Thời gian KC-HI	Quyết định đầu tư				Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016-2020 được duyệt								Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016-2020 điều chỉnh, bổ sung				Giảm	Tăng	Ghi chú			
			Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Cân đối NSDP	Trong đó:				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Cân đối NSDP	Trong đó:			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Cân đối NSDP				Thu vượt XSKT	Thu vượt tiền sử dụng đất	Thu hồi các khoản vốn tăng trước NS tính
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Cân đối NSDP			Thu vượt XSKT	Thu vượt tiền sử dụng đất	Thu hồi các khoản vốn tăng trước NS tính														
3	Tu bổ, tôn tạo và nâng cấp di tích Đền thờ Bắc Hồ	2009-2010	1325/QĐ-UBND, 14/5/2009	4.685	4.685	4.685							9	9								9		
4	Cụm tương đài "Chiến thắng 75" lượt tiêu đoàn ngày"	2010-2012	619/QĐ-UBND, 17/3/2010	25.974	25.974	25.974							89	89								89		
5	Công chào đường nối Vĩ Thanh - Cấn Thor	2013	32/QĐ-SKHĐT, 08/3/2013	1.188	1.188	1.188							5	5								5		
6	NC, SC Trường nghiệp vụ Văn hóa Thể thao Du lịch tỉnh Hậu Giang	2015	210/QĐ-SKHĐT, 30/10/2014	994	994	994							8	8								8		
7	Trung tâm phòng chống HIV/AIDS	08/3/2011-31/12/2015	639/QĐ-UBND, ngày 07/4/2011	31.933	12.915	12.915							239	239								239		
8	Phòng khám đa khoa khu vực Trà Lồng, H.Long Mỹ, tỉnh HG	05/3/2013-11/11/2013	2077/QĐ-UBND, 22/10/2012	8.528	3.750	3.750							212	212								212		
9	Trường THPT Lương Tâm	28/02/2018-31/10/2020	229/QĐ-SKHĐT, 31/10/2017	11.600	11.600	11.600							18	18								18		
10	Bệnh viện đa khoa H.Long Mỹ	2008-2017	1909/QĐ-UBND, 27/8/2008	103.216									253	253								253		
11	Trạm Y tế xã Long Bình (mới chia tách)	04/7/2017-20/8/2020	240/QĐ-SKHĐT, ngày 28/10/2016	6.992	3.138	3.138							14	14								14		
12	Nâng cấp, sửa chữa Bệnh viện lao và Bệnh viện phổi tỉnh	14/3/2019-09/12/2020	487/QĐ-SKHĐT, 31/10/2018	8.009	8.009	8.009							3	3								3		
13	Nâng cấp, sửa chữa Trạm Y tế xã Thuận Hòa, huyện Long Mỹ.	2014-2015	116/QĐ-SKHĐT, 11/7/2014	671	671	671							5	5								5		
14	Nâng cấp, sửa chữa Trạm Y tế xã Xà Phấn, huyện Long Mỹ.	2014-2015	137/QĐ-SKHĐT, 17/7/2014	3.515	3.515	3.515							2	2								2		
15	Nâng cấp, sửa chữa Trạm Y tế phường 3, TP. Vĩ Thanh, tỉnh Hậu Giang	2014-2015	140/QĐ-SKHĐT, 17/7/2014	3.657	3.657	3.657							2	2								2		
16	Nâng cấp, sửa chữa Trạm Y tế xã Hòa Lư, TP. Vĩ Thanh, tỉnh Hậu Giang	2014-2015	139/QĐ-SKHĐT, 17/7/2014	1.692	1.692	1.692							3	3								3		

TT	Danh mục dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016-2020 được duyệt								Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016-2020 điều chỉnh, bổ sung								Giảm	Tăng	Ghi chú																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																								
			Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TNBDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Cân đối NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Cân đối NSDP				Thụ vượt XSCT	Thụ vượt tiền sử dụng đất	Thụ hồi các khoản vốn tăng trước NS tính	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Cân đối NSDP	Thụ vượt XSCT	Thụ vượt tiền sử dụng đất	Thụ hồi các khoản vốn tăng trước NS tính																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																

TT	Danh mục dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016-2020 được duyệt						Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016-2020 điều chỉnh, bổ sung						Giảm	Tăng	Ghi chú
			Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Cân đối NSDP	Trong đó:			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Cân đối NSDP	Trong đó:						
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Cân đối NSDP				Thu vượt XS/KT	Thu vượt tiền sử dụng đất	Thu hồi các khoản vốn ứng trước NS tỉnh			Thu vượt XS/KT	Thu vượt tiền sử dụng đất	Thu hồi các khoản vốn ứng trước NS tỉnh				
4	Xây dựng nhà máy nước Long Mỹ	2017-2019	1859/QĐ-UBND 28/10/2016; 801/QĐ-UBND, 22/05/2018	40.000	40.000	36.000	36.000	36.000				26.000	26.000				10.000			
5	Dự án Xây dựng hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thành phố Vĩ Thanh	2013-2023	762/QĐ-UBND ngày 05/6/2014	274.136	51.180	13.000	13.000	13.000				11.254	11.254				1.746			
	Dự án nhóm C			33.544	16.972	5.307	5.307	5.307				5.172	5.172				135			
1	NC,SC,MR TYT xã Phú An, H. Châu Thành, T.HG		120/QĐ-SKHĐT, 11/7/2014	3.577	3.577	81	81	81				-	-				81			
2	Trung tâm Y tế dự phòng tỉnh HG	2011-2016	2532/QĐ-UBND, 17/12/2010	29.967	13.395	5.226	5.226	5.226				5.172	5.172				54			
(3)	Dự án khởi công mới giai đoạn 2016-2020			399.385	336.316	268.357	268.357	268.357	-	-	-	279.214	279.214	-	-	-	4.301	15.158		
1	Dự án bảo quản, tu bổ và phục hồi di tích lịch sử Đền thờ Bắc Hồ, xã Lương Tâm, huyện Long Mỹ	2016-2020	1529/QĐ-UBND, 30/10/2015	51.715	52.602	47.342	47.342	47.342				45.442	45.442				1.900			
2	Trung tâm bảo trợ xã hội, chăm sóc và phục hồi chức năng cho người tàn tật tỉnh Hậu Giang	2017-2020	1919/QĐ-UBND, 31/10/2016	49.996	5.000	758	758	758				5.000	5.000					4.242		
3	Khu hậu cứ đoàn ca múa nhạc dân tộc tỉnh và khu hành chính quản lý thuộc Trung tâm văn hóa tỉnh Hậu Giang	2017-2021	1940/QĐ-UBND 31/10/2016	115.000	115.000	103.500	103.500	103.500				102.765	102.765				735			
4	Bệnh viện Lao tỉnh Hậu Giang		2002/QĐ-UBND, 03/10/2016	2.068		226	226	226				55	55				171			
5	Trường THPT Tân Phú	2017-2019	244/QĐ-SKHĐT, 28/10/2016	5.000	5.000	3.959	3.959	3.959				3.940	3.940				19			
6	Trường THPT Trương Long Tây	2017-2019	245/QĐ-SKHĐT, 28/10/2016	7.000	7.000	6.418	6.418	6.418				6.408	6.408				10			

TT	Danh mục dự án	Thời gian KCC-HT	Quyết định đầu tư				Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016-2020 được duyệt							Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016-2020 điều chỉnh, bổ sung							Giảm	Tăng	Ghi chú
			Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:										
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Cần đối NSDP			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Cần đối NSDP	Thu vượt XS/KT	Thu vượt tiền sử dụng đất		Thu hồi các khoản vốn ứng trước NS tính	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Cần đối NSDP	Thu vượt XS/KT	Thu vượt tiền sử dụng đất	Thu hồi các khoản vốn ứng trước NS tính					
7	Trạm Y tế xã Thanh Xuân	2018- 2020	223/QĐ- SKHĐT, 31/10/2017	7.599	3.745	3.745	3.745	3.745				3.730	3.730				15						
8	Trung tâm Y tế dự phòng tỉnh HG gồm các HM: Sân đường nội bộ...	2018- 2020	225/QĐ- SKHĐT, 31/10/2017	14.999	14.999	14.779	14.779	14.779				14.635	14.635				144						
9	Trường THPT Chuyên Vị Thanh	2018- 2020	227/QĐ- SKHĐT, 31/10/2017	6.700	6.700	6.298	6.298	6.287				6.287	6.287				11						
10	Cải tạo, nâng cấp XD hệ thống xử lý nước thải và chất rắn y tế cải thiện môi trường BVĐK H.Vị Thủy,BV Lao và Bệnh phổi tỉnh HG	2015- 2018	724/QĐ-UBND, 20/5/2015	26.076	13.038	6.299	6.299	6.150				6.150	6.150				149						
11	Trường THPT Vị Thanh	2018- 2020	SKHĐT, 31/10/2017; 208/QĐ- UBND	6.850	6.850	6.850	6.850	6.240				6.240	6.240				610						
12	Trường Tiểu học TT Trà Lồng	2018- 2020	2154/QĐ- UBND, 31/10/2017	32.000	32.000	28.800	28.800	28.670				28.670	28.670				130						
13	Nâng cấp nghĩa trang liệt sĩ tỉnh Hậu Giang	2019- 2021	1715/QĐ- UBND, 31/10/2018	23.024	23.024	6.987	6.987	6.979				6.979	6.979				8						
14	Trụ sở làm việc, Hội trường Tỉnh ủy và các hạng mục phụ trợ.	2019- 2021	485/QĐ- SKHĐT, 31/10/2018	11.974	11.974	20.722	20.722	20.437				20.437	20.437				285						
15	Sửa chữa Trụ sở làm việc các Ban xây dựng Đảng và Đoàn thể tỉnh.	2019- 2021	200/QĐ- SKHĐT, 11/7/2019	9.653	9.653	11.674	11.674	11.560				11.560	11.560				114						
16	Mở rộng diện tích xây dựng Khu di tích lịch sử "Địa điểm thành lập Ủy ban mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam tỉnh Cần Thơ" tại xã Thanh Xuân, huyện Châu Thành A	2020- 2022	1907/QĐ- UBND 31/10/2019	29.731	29.731			10.916				10.916	10.916				10.916						
III	Công ty Phát triển hạ tầng Khu công nghiệp Hậu Giang			1.159.645	1.029.645	220.012	220.012	67.838			18.589	220.012	67.838			18.589	6.106	6.106					

TT	Đanh mục dự án	Thời gian KC-IT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016-2020 được duyệt						Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016-2020 điều chỉnh, bổ sung						Giảm	Tăng	Ghi chú
			Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:								
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Cân đối NSDP			Cân đối NSDP	Thu vượt XSCT	Thu vượt tiền sử dụng đất		Thu hồi các khoản vốn ứng trước NS tỉnh	Cân đối NSDP	Thu vượt XSCT	Thu vượt tiền sử dụng đất	Thu hồi các khoản vốn ứng trước NS tỉnh				
	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn (2) 2011-2015 sang giai đoạn 2016- 2020			1.159.645	1.029.645	220.012	67.838			18.589	220.012	67.838			18.589	6.106	6.106			
1	Xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Sông Hậu đợt 2-giai đoạn 1, huyện Châu Thành	2007- 2019	376/QĐ-UBND	417.370	357.370	30.910	19.545			9.300	24.804	13.439			9.300	6.106				
2	Xây dựng kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Tân Phú Thành - giai đoạn 1, huyện Châu Thành A	2010- 2020	173/QĐ- UBND, 19/8/2010	742.275	672.275	189.102	48.293			9.289	195.208	54.399			9.289	6.106				
III	Sơ Kế hoạch và Đầu tư			3.421	3.421	478	478				193	193								
(1)	Dự án quy hoạch																			
1	Quy hoạch các dự án ưu tiên vận động thu hút nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) tính Hậu Giang thời kỳ đến năm 2025	2015- 2026	1934/QĐ- UBND, 26/10/2017	553	553	72	72				39	39					33			
2	Quy hoạch các dự án ưu tiên vận động thu hút và sử dụng nguồn vốn các tổ chức phi chính phủ nước ngoài (NGO) tính Hậu Giang thời kỳ đến năm 2025	2015- 2026	1936/QĐ- UBND, 26/10/2017	553	553	72	72				39	39					33			
3	Quy hoạch các dự án ưu tiên vận động thu hút và sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) tính Hậu Giang thời kỳ đến năm 2025	2015- 2026	1935/QĐ- UBND, 26/10/2017	553	553	72	72				39	39					33			
4	Quy hoạch mạng lưới cấp nước và sử dụng nước trên địa bàn tỉnh Hậu Giang đến năm 2020 tầm nhìn đến năm 2030	2015- 2016	1802/QĐ- UBND, 19/12/2014	1.762	1.762	262	262				76	76					186			
B	Cấp Huyện quản lý			219.991	121.474	110.339	93.151	6.375	70		112.564	95.376	6.375	70		2.086	4.311			
I	UBND thị xã Long Mỹ			32.006	32.006	29.793	23.418	6.375		-	29.793	23.418	6.375		-	360	360	-		
(1)	Dự án tái toán tài khoản			32.006	32.006	29.793	23.418	6.375			29.793	23.418	6.375			360	360			
1	Nâng cấp mở rộng tuyến đường về chợ Bình Hiếu	2015- 2016	816/QĐ-UBND ngày 29/06/2015	1.006	1.006	430	430				220	220				210				

TT		Danh mục dự án	Thời gian K-C-HT	Quyết định đầu tư				Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016-2020 được duyệt							Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016-2020 điều chỉnh, bổ sung							Giảm	Tăng	Ghi chú
			Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:										
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Cân đối NSDP			Cân đối NSDP	Thu vượt XSĐT	Thu vượt tiền sử đất	Thu hồi các khoản vốn ứng trước NS tính	Cân đối NSDP		Thu vượt XSĐT	Thu vượt tiền sử đất	Thu hồi các khoản vốn ứng trước NS tính								
2		Trường tiểu học Long Trì 1	2017- 2019	1519/QĐ- UBND ngày 31/10/2016	15.000	15.000	13.723	7.348	6.375				13.573	7.198	6.375			150						
3		Đường Nguyễn Việt Hồng	2018- 2020	3638/QĐ- UBND ngày 24/3/2016	5.000	5.000	4.850	4.850					5.000	5.000				150						
4		Trụ sở UBND xã Long Trì, thị xã Long Mỹ	2016- 2020	2930/QĐ- UBND ngày 31/10/2018	11.000	11.000	10.790	10.790					11.000	11.000				210						
II		UBND huyện Long Mỹ			2.225	2.225							2.225	2.225				2.225						
(I)		Dự án tái toán tài khoản			2.225	2.225							2.225	2.225				2.225						
1		Đường bê tông 2,5m Bờ tây kênh Năm Căn, ấp 3 xã Lương Tâm	2016- 2018	43/QĐ-UBND 11/01/2019	2.225	2.225							2.225	2.225				2.225						
III		UBND huyện Châu Thành			23.479	19.153	1.556	1.556					1.556	1.556				249	249					
(I)		Dự án tái toán tài khoản			23.479	19.153	1.556	1.556					1.556	1.556				249	249					
1		Cầu giao thông nông thôn, bê tông, Kênh Lạc	2012- 2013	3515/QĐ- UBND, ngày 23/10/2012	1.044	1.044	400	400					479	479				79						
2		Cụm dân cư vượt lũ thị trấn Ngủ Sầu (giai đoạn 2)	2009- 2013	5018 ngày 27/11/2013	18.109	18.109	1.156	1.156					907	907				249						
3		Cầu Ông Hoàng, xã Đông Thành (ngang Ủy ban nhân dân xã Đông Thành)	2015- 2019	2191/QĐ- UBND, ngày 16/6/2015	4.326								170	170				170						
IV		UBND huyện Phụng Hiệp			90.178	10.223	32.164	23.621	-	-	-	-	32.164	23.621	-	-	-	883	883	-				
(I)		Dự án tái toán tài khoản			90.178	10.223	32.164	23.621	-	-	-	-	32.164	23.621	-	-	-	883	883					
1		Trung tâm Y tế huyện		1091/QĐ- UBND ngày 04/07/2011	33.993		6.225	2.731					6.039	2.545				186						
2		Cầu kênh rạch xã Tân Bình		4733/QĐ- UBND 31/10/2016	969		900	900					957	957				57						
3		Trường Tiểu học Long Thành 3: Hàng mục san lấp mặt bằng, sân, hàng rào		6051/QĐ- UBND 29/11/2016	910								40	40				40						
4		Trường Mẫu giáo Hòa Mỹ điểm ấp 4, xã Hòa Mỹ, huyện Phụng Hiệp; Hàng mục: 02 phòng học sân chơi, thiết bị		1057/QĐ- UBND 10/10/2016	1.312								89	89				89						

TT	Danh mục dự án	Thời gian KC-HIT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016-2020 được duyệt					Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016-2020 điều chỉnh, bổ sung					Tăng	Giảm	Ghi chú
			Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:						
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Cân đối NSDP		Thu vượt XSKT	Thu vượt tiền sử dụng đất	Thu hồi các khoản vốn ứng trước NS tính	Cân đối NSDP		Thu vượt XSKT	Thu vượt tiền sử dụng đất	Thu hồi các khoản vốn ứng trước NS tính				
5	Trung tâm Văn hóa-Thể thao huyện		4906/QĐ-UBND, 11/7/2014	32.198			12.972	8.472			12.803	8.303				169		
6	Trường Mẫu giáo Tân Bình 2		1976/QĐ-UBND, 30/3/2016	1.680			168	168			121	121				47		
7	Nhà văn hoá áp Phú Xuân		3332/QĐ-UBND, 22/5/2014	2.120			193	193			118	118				75		
8	Trường Mẫu giáo khu căn cứ Tỉnh ủy; Hạng mục: 02 phòng học, 01 phòng chức năng, sân đường		4735/QĐ-UBND, 31/10/2016	1.789			1.657	1.108			1.758	1.209				101		
9	NCSC trụ sở xã Phương Bình		4592/QĐ-UBND, 31/10/2017	2.575		1.060	1.060	1.060			869	869				191		
10	NCSC trụ sở xã Bình Thành		4591/QĐ-UBND, 31/10/2017	2.575		1.279	1.279	1.279			1.127	1.127				152		
11	Nhà văn hoá áp Long Sơn 1, xã Long Thành		6680/QĐ-UBND, 28/10/2019	1.320		1.320	1.320	1.320			1.310	1.310				10		
12	Nhà văn hoá áp Long Hoà A1, xã Long Thành		6683/QĐ-UBND, 28/10/2019	1.200		1.200	1.200	1.200			1.182	1.182				18		
13	Nhà văn hoá áp Long Trường 3, xã Long Thành		6681/QĐ-UBND, 28/10/2019	1.200		1.200	1.200	1.200			1.187	1.187				13		
14	Nhà văn hoá áp Long trường 1, xã Long Thành		6682/QĐ-UBND, 28/10/2019	1.200		1.200	1.200	1.200			1.190	1.190				10		
15	Nhà văn hoá áp Trường Khánh 2, xã Long Thành		6684/QĐ-UBND, 28/10/2019	1.200		1.200	1.200	1.200			1.188	1.188				12		
16	Nâng cấp, sửa chữa Trường Tiểu học Long Thành 3 (điểm Long Trường 3), hạng mục: 6 phòng học nhà vệ sinh và thiết bị		4313/QĐ-UBND, 22/10/2018	1.099							270	270				270		
17	Thiết bị UBND xã Hòa Mỹ		6826/QĐ-UBND, 31/10/2019	1.400		1.400	1.260	1.260			1.382	1.382				122		
18	Nâng cấp, sửa chữa các hạng mục hạ tầng trụ sở xã Hòa Mỹ		6824/QĐ-UBND, 31/10/2019	364		364	330	330			345	345				15		
19	Công trình UBND huyện Phụng Hiệp; Hạng mục: Cải tạo đài phun nước		6677/QĐ-UBND, 28/10/2019	1.074							189	189				189		

TT		Danh mục dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016-2020 được duyệt										Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016-2020 điều chỉnh, bổ sung						Giảm	Tăng	Ghi chú
				Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Cần đối NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:										
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Cần đối NSDP				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Cần đối NSDP	Tình vượt XKST	Thu vượt tiền sử dụng đất	Thu hồi các khoản vốn ứng trước NS		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Cần đối NSDP	Tình vượt XKST	Thu vượt tiền sử dụng đất	Thu hồi các khoản vốn ứng trước NS						
V		UBND huyện Vĩ Thủy			72.103	57.867	46.826	44.556	-	70	-	46.826	44.556	-	70	-	594	594								
(2)		Dự án chuyển tiếp từ giải đoạn 2011-2015 sang giải đoạn 2016-2020			31.564	19.676	6.699	6.629	-	70	-	7.151	7.081	-	70	-	-	-	452							
1		Đường Lê Hồng Phong nối dài, huyện Vĩ Thủy	2013-2015	3534/QĐ-UBND ngày 24/10/2013	4.454	4.454	23	23				104	104						81							
2		Cụm dân cư vượt lũ xã Vĩ Đông	2011-2013	2314/QĐ-UBND, 22/4/2011	15.222	15.222	262	262				399	399						137							
3		Bùn chôn phủ tại trấn Năng Mậu, hàng mục: San lấp mặt bằng, hàng rào, sân đường nội bộ, cây xanh, bụi để bìa, cấp nước cây xanh, điện chiếu sáng	2010-2014	794/QĐ-UBND, 08/6/2010	637		70			70		92	22		70				22							
4		Giáo thông nông thôn xã Vĩnh Thuận Tây năm 2014, hàng mục: Đường Kinh Ngang	2014-2016	3536/QĐ-UBND, 24/10/2013	8.492		5.344	5.344				5.417	5.417						73							
5		Nâng cấp, mở rộng tuyến đê bao kết hợp Giáo thông nông thôn liên ấp 6-7, xã Vĩ Thăng	2014-2016	2839/QĐ-UBND, 04/8/2014	2.759		1.000	1.000				1.139	1.139						139							
(3)		Dự án khởi công mới giải đoạn 2016-2020			40.539	38.191	40.127	37.927	-	-	-	39.675	37.475	-	-	-	594	142								
1		Nâng cấp, mở rộng Hội trường UBND các xã thuộc huyện Vĩ Thủy	2016-2018	QB số 10/QĐ-UBND ngày 18/01/2016	536	536	481	481				489	489						8							
2		Đường Trà Sải Kênh Ngang	2016-2018	1055/QĐ-UBND Ngày 31/03/2016	4.448	2.100	4.300	2.100				4.328	2.128						28							
3		Trang bị cơ sở vật chất trường Mầm non Hoa Hồng	2018-2019	3842/QĐ-UBND, 30/10/2017	600	600	535	535				571	571						36							
4		Trường THCS Vĩ Bình, huyện Vĩ Thủy	2019-2020	3640/QĐ-UBND, 23/10/2018	13.944	13.944	13.800	13.800				13.870	13.870						70							
6		Nâng cấp, sửa chữa các trụ sở UBND xã thuộc huyện Vĩ Thủy, Hàng mục: UBND xã Vĩnh Thuận Tây, UBND xã Vĩ Bình, UBND xã Vĩnh Tường	2019-2020	3726/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	6.000	6.000	6.000	6.000				5.981	5.981						19							
7		Xây dựng park, Công chèo, xã Vĩ Trung và các ấp	2020-2022	1004/QĐ-UBND, 28/6/2019	851	851	851	851				796	796						55							

TT	Danh mục dự án	Thời gian KC-IT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016-2020 được duyệt					Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016-2020 điều chỉnh, bổ sung					Tăng	Giảm	Ghi chú
			Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Cân đối NSDP	Trong đó:			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Cân đối NSDP	Trong đó:		Thu hồi các khoản vốn ứng trước NS tính			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Cân đối NSDP			Thu vượt XSKT	Thu vượt tiền sử dụng đất	Thu hồi các khoản vốn ứng trước NS tính								
8	Đường kênh 9 Thuộc, xã Vĩnh Trung	2020-2022	990/QĐ-UBND, 27/6/2019	960	960	960	960				902	902				58		
9	Huyện ủy Vị Thủy. Hạng mục: lắp đặt điện, nước, rãnh thoát nước, vỉa hè	2020-2022	1045/QĐ-UBND, 02/7/2019	1.100	1.100	1.100	1.100	1.100			987	987				113		
10	Nâng cấp sửa chữa đường Kênh Chứa (xã Vị Trung - Vị Đông)	2020-2021	3548/QĐ-UBND, 28/10/2019	1.700	1.700	1.700	1.700	1.700			1.663	1.663				37		
11	Nâng cấp sửa chữa đường kênh 12000 ấp 7B1 xã Vị Thanh	2020-2021	3546/QĐ-UBND, 28/10/2019	1.000	1.000	1.000	1.000	1.000			933	933				67		
12	Trường Mầm non Hòa Mĩ	2020-2021	3489/QĐ-UBND, 25/10/2019	2.800	2.800	2.800	2.800	2.800			2.767	2.767				33		
13	Trường Tiểu học Vị Thanh 2	2020-2021	3486/QĐ-UBND, 25/10/2019	2.000	2.000	2.000	2.000	2.000			1.963	1.963				37		
14	Trường Tiểu học Vị Bình 2	2020-2021	3485/QĐ-UBND, 25/10/2019	2.000	2.000	2.000	2.000	2.000			1.945	1.945				55		
16	Trường Tiểu học Vị Thủy 2, ấp 4	2020-2021	3480/QĐ-UBND, 25/10/2019	500	500	500	500	500			484	484				16		
17	Trường Tiểu học Năng Mậu 2	2020-2021	3479/QĐ-UBND, 25/10/2019	1.000	1.000	1.000	1.000	1.000			983	983				17		
18	Trường Tiểu học Vị Bình 2 (điểm B)	2020-2021	3477/QĐ-UBND, 25/10/2019	1.100	1.100	1.100	1.100	1.100			1.013	1.013				87		